

Bản án số: 34/2022/HNGĐ-ST

Ngày 12/8/2022

“V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng do nam nữ chung sống mà không có đăng ký kết hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các Hôi thăm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng và ông Ma Văn Sơn.

Thư ký Tòa án: Ông Dương Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng do nam nữ chung sống mà không có đăng ký kết hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hà Văn H, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn AK, xã TA, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, *(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

- *Bị đơn*: Chị Hà Thị N, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn AK, xã TA, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, *(vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2022, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn anh Hà Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Hà Văn H và Hà Thị N qua tự nguyện tìm hiểu đã về chung sống với nhau từ năm 2005 tại thôn AK, xã TA, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Anh H và chị N được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán tại địa phương, tuy Nên kể từ đó cho đến nay anh H và chị N chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu anh chị chung sống hoà thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì cho đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N đi làm công nhân xa nhà, không quan tâm đến gia đình và chồng con, giữa anh H và

chị N không có sự tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng xảy ra cãi vã nên đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay. Anh H xác định tình cảm giữa anh và chị N không còn, do anh chị không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ giữa anh và chị Hà Thị N theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 03 con chung là Hà Quỳnh K, sinh ngày 22/5/2005; Hà Diệu N, sinh ngày 31/01/2008 và Hà Đông Q, sinh ngày 11/9/2017; anh H đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Anh H và chị N tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh H và chị N xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, phiên họp hoà giải, bị đơn chị Hà Thị N nêu quan điểm:*

- Về hôn nhân: Chị Hà Thị N và anh Hà Văn H qua tự nguyện tìm hiểu đã về chung sống với nhau từ năm 2005 tại thôn AK, xã TA, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Chị N và anh H được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán tại địa phương nhưng kể từ đó cho đến nay anh H và chị N chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chị N và anh H chung sống hoà thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn gì cho đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn, chị N phải đi làm công nhân xa nhà nên ít có thời gian quan tâm chăm sóc gia đình và chồng con, anh H thường nghi ngờ ghen tuông chị N nên giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân. Chị N nhất trí với việc khởi kiện của anh H, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ chung sống của anh chị là vợ chồng.

- Về con chung: Có 03 con chung là Hà Quỳnh K, sinh ngày 22/5/2005; Hà Diệu N, sinh ngày 31/01/2008 và Hà Đông Q, sinh ngày 11/9/2017, nay ly hôn chị N nhất trí để anh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con và không phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin được vắng mặt, các đương sự đều giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án, không có thay đổi hay bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 9, khoản 1

Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28; Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hà Văn H, xác định quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị N không có giá trị về pháp lý và không được pháp luật công nhận là vợ chồng; về con chung: Giao các cháu Hà Quỳnh K, sinh ngày 22/5/2005; Hà Diệu N, sinh ngày 31/01/2008 và Hà Đông Q, sinh ngày 11/9/2017 cho anh Hà Văn H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Hà Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét; Về nợ chung: Không có. Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Hà Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn chị Hà Thị N, anh H và chị N chung sống mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng; tranh chấp về nuôi con chung của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Hà Thị N đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn AK, xã TA, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hà Văn H và bị đơn chị Hà Thị N đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Hà Văn H và chị Hà Thị N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 đến nay không có đăng ký kết hôn. Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện Chiêm Hóa (nơi anh H và chị N đã sinh sống) xác định anh H, chị N chưa từng làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, anh Hà Văn H và chị Hà Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 đến nay không có đăng ký kết

hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn. Mỗi quan hệ của anh H và chị N không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Anh Hà Văn H yêu cầu được chấm dứt mối quan hệ giữa anh và chị Hà Thị N, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hà Văn H, không công nhận quan hệ giữa anh Hà Văn H và chị Hà Thị N là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung, anh H và chị N có 03 con chung là Hà Quỳnh K, sinh ngày 22/5/2005; Hà Diệu N, sinh ngày 31/01/2008 và Hà Đông Q, sinh ngày 11/9/2017, hiện nay các con đều đang sống cùng anh H. Khi ly hôn anh H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng sau khi ly hôn. Chị Hà Thị N nhất trí để anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Quá trình Toà án ghi lời khai, cháu K và cháu N đều có nguyện vọng được ở cùng anh H sau khi anh H và chị N ly hôn. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Hà Quỳnh K; cháu Hà Diệu N và cháu Hà Đông Q cho anh Hà Văn H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Anh H và chị N tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; chị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hà Văn H; không công nhận quan hệ giữa anh Hà Văn H và chị Hà Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao các cháu Hà Quỳnh K, sinh ngày 22/5/2005, Hà Diệu N, sinh ngày 31/01/2008, Hà Đông Q, sinh ngày 11/9/2017 cho anh Hà Văn H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Hà Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Hà Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng). Anh H đã nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0005357 ngày 06/7/2022 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (anh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn). Chị Hà Thị N không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã TA;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh